

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Trọng Kha	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Đức Đông	Ủy viên
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Ủy viên
Ông Mai Xuân Bình	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Hưng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc
Ông Hà Quốc Hải	Phó Giám đốc
Ông Lê Minh Hải	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc
Ông Nghiêm Trung Minh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Văn Tuy	Phó Giám đốc
Ông Phùng Văn Công	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2015

Số. 687 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2015, từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, một số dự án của Công ty đang tạm dừng thi công. Do khó khăn trong tình hình thị trường hiện tại, Công ty không thể đánh giá được giá trị có thể thu hồi của các dự án này cũng như tính khả thi nếu tiếp tục thực hiện. Chúng tôi cũng không thể thu thập được các bằng chứng hoặc thực hiện các thủ tục thay thế, do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đối với báo cáo tài chính kèm theo.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đang theo dõi Lợi thế kinh doanh của một số thửa đất phát sinh trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” với số tiền khoảng 39 tỷ VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa thực hiện phân bổ các khoản lợi thế kinh doanh này. Nếu thực hiện việc phân bổ lợi thế kinh doanh trên cơ sở mục đích sử dụng của các thửa đất thì Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty sẽ tăng lên với số tiền lần lượt là 5,7 tỷ VND và 4,6 tỷ VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề được nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 11 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

A blue ink signature of Phạm Quỳnh Hoa.

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.165.718.146.784	782.704.358.454
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	350.237.158.131	167.384.696.603
1. Tiền	111		275.237.158.131	167.384.696.603
2. Các khoản tương đương tiền	112		75.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		476.036.741.140	288.267.768.764
1. Phải thu khách hàng	131	6	503.189.547.491	333.881.747.596
2. Trả trước cho người bán	132		12.147.418.773	3.818.798.869
3. Các khoản phải thu khác	135	7	8.273.020.801	7.698.955.556
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(47.573.245.925)	(57.131.733.257)
III. Hàng tồn kho	140	8	323.213.395.202	318.482.103.579
1. Hàng tồn kho	141		323.213.395.202	318.482.103.579
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.230.852.311	8.569.789.508
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.345.522.226	4.967.268.189
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.885.330.085	3.602.521.319
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		310.566.830.323	299.569.565.607
I. Tài sản cố định	220		230.523.755.586	237.009.774.375
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	52.974.096.754	58.567.685.669
- Nguyên giá	222		122.393.825.823	118.720.918.277
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.419.729.069)	(60.153.232.608)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	177.549.658.832	178.442.088.706
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		34.446.751.547	12.741.864.726
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	-	10.200.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	35.134.290.000	2.940.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(687.538.453)	(398.135.274)
III. Tài sản dài hạn khác	260		45.596.323.190	49.817.926.506
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	45.596.323.190	49.817.926.506
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.476.284.977.107	1.082.273.924.061

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.131.117.925.599	764.860.875.722
I. Nợ ngắn hạn	310		1.092.149.007.196	758.340.718.372
1. Vay ngắn hạn	311	14	259.519.313.991	237.120.894.829
2. Phải trả người bán	312	15	355.665.635.440	228.534.817.773
3. Người mua trả tiền trước	313	16	397.848.710.792	212.308.188.143
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	22.826.723.422	9.720.596.475
5. Phải trả người lao động	315		15.019.875.323	9.564.755.927
6. Chi phí phải trả	316	18	32.830.835.908	41.543.307.994
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	8.497.813.672	19.772.719.618
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(59.901.352)	(224.562.387)
II. Nợ dài hạn	330		38.968.918.403	6.520.157.350
1. Phải trả dài hạn khác	333	20	28.829.030.641	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337	21	10.139.887.762	6.520.157.350
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		345.167.051.508	317.413.048.339
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	345.167.051.508	317.413.048.339
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.669.438.037	9.281.198.825
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		698.319.888	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.799.293.583	8.131.849.514
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.476.284.977.107	1.082.273.924.061

[Signature]

[Signature]



[Signature]

Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng

Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	905.539.074.354	658.104.728.067
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		905.539.074.354	658.104.728.067
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	811.145.229.799	555.341.815.267
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		94.393.844.555	102.762.912.800
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.752.371.151	304.952.981
7. Chi phí tài chính	22	27	24.029.333.711	14.620.848.705
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.739.930.532	12.601.709.885
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.248.680.184	80.980.723.610
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-25)	30		47.868.201.811	7.466.293.466
10. Thu nhập khác	31		6.257.146.390	6.644.422.531
11. Chi phí khác	32		15.802.473.899	7.581.215.110
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(9.545.327.509)	(936.792.579)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		38.322.874.302	6.529.500.887
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	9.172.231.357	2.600.025.469
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		29.150.642.945	3.929.475.418
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	972	131


Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu


Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	38.322.874.302	6.529.500.887
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.266.496.461	9.939.733.283
Các khoản dự phòng	03	(9.269.084.153)	48.149.647.075
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.752.371.151)	(628.629.964)
Chi phí lãi vay	06	23.739.930.532	12.601.709.885
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	60.307.845.991	76.591.961.166
Thay đổi các khoản phải thu	09	(217.687.583.810)	(106.032.847.128)
Thay đổi hàng tồn kho	10	28.109.439.018	(27.720.424.491)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	333.038.017.549	7.166.968.465
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.130.115.284	692.370.533
Tiền lãi vay đã trả	13	(23.916.251.798)	(11.994.485.389)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.903.871.519)	(4.453.853.417)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	600.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(920.600.000)	(1.348.625.402)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	175.157.710.715	(67.098.935.663)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(679.877.182)	(17.014.784.169)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	4.129.373.772
3. Tiền chi đầu tư góp vốn liên doanh	25	-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	112.727.682	10.982.895.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.752.371.151	488.073.314
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.185.221.651	(1.414.442.083)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	562.963.272.472	414.109.512.145
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(540.564.853.310)	(221.988.617.316)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(15.888.890.000)	(17.421.110.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.509.529.162	174.699.784.829
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	182.852.461.528	106.186.407.083
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	167.384.696.603	61.198.289.520
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	350.237.158.131	167.384.696.603

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi đầu tư góp vốn liên doanh không bao gồm 32.194.290.000 VND là khoản đầu tư góp vốn vào dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" thông qua bù trừ công nợ phải thu với Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Đô thị Dầu khí. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm số tiền 10.087.272.318 VND là khoản bù trừ công nợ giữa Công ty với Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu Xây dựng - PIC 7. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 2.981.730.364 VND (năm 2013 là 0 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

Ngày 11 tháng 3 năm 2015

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500832971 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND, được chia thành 30.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 507 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 486 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công nghiệp dân dụng;
- Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; và
- Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014
	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 12
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị quản lý	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 01 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh của các lô đất được góp vốn từ Công ty mẹ khi cổ phần hóa Công ty và giá trị công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng nêu trên được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả phát sinh từ các ước tính kế toán do chi phí tập hợp chưa đầy đủ tại ngày nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Các khoản chi phí trích trước này sẽ đảm bảo rằng công trình được tập hợp đầy đủ chi phí trong trường hợp các phần công việc của công trình đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán với nhà thầu phụ, nhà cung cấp hoặc các tổ đội thi công. Việc trích trước chi phí công trình tuân theo các quy định hiện hành về kế toán. Việc trích trước chi phí công trình tuân theo các quy định hiện hành về kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.652.354.051	120.367.936
Tiền gửi ngân hàng	273.584.804.080	167.264.328.667
Các khoản tương đương tiền (*)	75.000.000.000	-
	<u>350.237.158.131</u>	<u>167.384.696.603</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	259.203.263.293	48.471.729.783
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn - Bộ Quốc phòng	50.374.999.999	64.671.050.122
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	48.788.521.139	63.979.801.474
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	30.197.809.127	18.476.114.880
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.300.469.925	27.300.469.925
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	9.387.628.964	13.232.540.012
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (i)	8.917.182.475	52.495.045.899
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.541.190.210	15.985.901.956
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	7.097.380.925	7.097.380.925
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVFCCo)	6.396.801.083	6.396.801.083
Công ty Cổ phần Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	2.068.344.626
Các đối tượng khác	45.915.955.725	13.706.566.911
	<u>503.189.547.491</u>	<u>333.881.747.596</u>

(i) Ngày 30 tháng 6 năm 2014, theo Nghị quyết số 275/QĐ-CNDD, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt bù trừ công nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí ("Petroland") thông qua việc nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Petroland trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án "Chung cư Long Sơn Riverside tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, thành phố Hồ Chí Minh" số 20/2010/BCC/KT-PIVIS-PETROLAND-PVFCLAND ngày 08 tháng 6 năm 2010. Công ty đã ghi giảm công nợ phải thu Petroland với số tiền 32.194.290.000 VND tương ứng với phần vốn nhận chuyển nhượng trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh này đồng thời hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi tương ứng đã trích lập với số tiền là 11.187.107.308 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.268.873.511	3.268.873.511
Phải thu do điều chỉnh quyết toán công trình	2.471.002.001	2.471.002.001
Các khoản phải thu khác	2.533.145.289	1.959.080.044
	<u>8.273.020.801</u>	<u>7.698.955.556</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	46.312.957.740	27.555.494.432
Công cụ, dụng cụ trong kho	85.840.000	10.006.835
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	276.814.597.462	290.916.602.312
	<u>323.213.395.202</u>	<u>318.482.103.579</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>323.213.395.202</u>	<u>318.482.103.579</u>

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công trình - Chung cư số 242 Nguyễn Hữu Cảnh	121.250.045.227	149.847.442.989
Công trình - Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, Thanh Hóa	50.406.830.475	-
Dự án Chung cư Xã Hiệp Bình Chánh	31.818.181.818	31.818.181.818
Công trình - Trung tâm Phân tích thí nghiệm & văn phòng Viện Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	24.693.699.381	-
Công trình - Khu nhà mở rộng Trung tâm y tế VietsovPetro	13.314.897.611	13.341.125.828
Công trình - Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	7.448.500.718	128.338.038
Công trình - Xây dựng âu tàu và Trung tâm điều khiển âu tàu Rạch Chanh	5.610.608.627	302.556.868
Công trình - Kho chứa hàng sân bay Tân Sơn Nhất	2.864.101.819	-
Công trình - Sửa chữa nhà A11 Viện Nghiên cứu Khoa học VietsovPetro	2.239.959.855	6.977.277.969
Công trình - Khu Du lịch Hồng Phúc, huyện Xuyên Mộc	-	61.321.262.943
Công trình khác	17.167.771.931	27.180.415.859
	<u>276.814.597.462</u>	<u>290.916.602.312</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	18.094.843.621	80.389.824.174	12.350.542.415	7.885.708.067	118.720.918.277
Mua sắm mới	-	3.499.491.182	-	173.416.364	3.672.907.546
Tại ngày 31/12/2014	18.094.843.621	83.889.315.356	12.350.542.415	8.059.124.431	122.393.825.823
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	5.853.799.877	38.721.804.129	10.499.652.129	5.077.976.473	60.153.232.608
Khấu hao trong năm	1.524.685.729	6.587.240.512	262.330.920	892.239.300	9.266.496.461
Tại ngày 31/12/2014	7.378.485.606	45.309.044.641	10.761.983.049	5.970.215.773	69.419.729.069
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	10.716.358.015	38.580.270.715	1.588.559.366	2.088.908.658	52.974.096.754
Tại ngày 31/12/2013	12.241.043.744	41.668.020.045	1.850.890.286	2.807.731.594	58.567.685.669

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 17.473.979.428 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 15.196.203.228 VND).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tòa nhà số 33 đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	75.702.734.982	75.296.698.851
Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (i)	-	1.298.466.005
Khu du lịch Thanh Bình, phường 10, thành phố Vũng Tàu	101.846.923.850	101.846.923.850
	177.549.658.832	178.442.088.706

(i) Ban Giám đốc Công ty đánh giá dự án cao ốc văn phòng 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu không khả thi và không tiếp tục thực hiện được. Do đó, Công ty đã phân loại các chi phí phát sinh liên quan đến dự án này vào khoản mục chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 3 năm.

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, giá trị quyền sử dụng đất Khu du lịch Thanh Bình được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các dự án Tòa nhà số 33 đường 30/4, thành phố Vũng Tàu và Khu du lịch Thanh Bình, phường 10, thành phố Vũng Tàu đang tạm dừng thi công. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng các dự án nêu trên đều có khả năng chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Theo Nghị quyết số 02/NQ.ĐHĐCĐ - PIC 7 ngày 28 tháng 10 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu Xây dựng - PIC 7 (công ty con của Công ty) đã thông qua việc giải thể trong tháng 12 năm 2013. Ngày 22 tháng 5 năm 2014, Công ty đã có Thông báo số 537/TB-CNDD về việc hoàn thành giải thể Công ty Kinh doanh Vật liệu Xây dựng - PIC 7.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	2.890.000.000	2.890.000.000
Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát, thành phố Hồ Chí Minh (i)	32.194.290.000	-
	35.134.290.000	2.940.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(687.538.453)	(398.135.274)
+ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	(687.538.453)	(398.135.274)
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính dài hạn	34.446.751.547	2.541.864.726

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 6, Công ty nhận chuyển nhượng khoản vốn góp trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án “Chung cư Long Sơn Riverside tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, thành phố Hồ Chí Minh” của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (“Petroland”) để đối trừ công nợ phải thu của Công ty này. Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, các bên thống nhất hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” trên khu đất có diện tích 4.863 m² tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát. Khi dự án hoàn thành, các bên được phân chia sản phẩm và lợi nhuận tương ứng với giá trị vốn góp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” đang tạm dừng thi công. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, do đó Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản góp vốn vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí đền bù khu đất số 35D đường 30/4	865.644.004	-
Công cụ dụng cụ, giàn giáo xuất dùng	5.732.218.330	6.281.226.506
Lợi thế kinh doanh (i)	38.998.460.856	43.536.700.000
	45.596.323.190	49.817.926.506

- (i) Lợi thế kinh doanh thể hiện giá trị tài sản nhận vốn góp từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 04 tháng 02 năm 2010 đã được Hội đồng Quản trị PVC phê duyệt tại Nghị quyết số 1138/NQXLĐK ngày 30 tháng 12 năm 2009 về việc phê duyệt phương án xử lý đất đai phục vụ công tác chuyển đổi các công ty TNHH MTV của PVC sang công ty cổ phần. Tài sản nhận góp vốn bao gồm quyền sử dụng đất tại 3 thửa đất: Thửa đất số 11 tại đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 5.104,4 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 15.313.200.000 VND; thửa đất số 10 và 215 đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 8.070,6 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 24.211.800.000 VND; thửa đất số 108 tại 242 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 4.011,7 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 4.011.700.000 VND.

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân bổ toàn bộ lợi thế kinh doanh của thửa đất số 108 tại 242 Nguyễn Hữu Cảnh với giá trị 4.011.700.000 VND vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang do công trình dự án chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh xây dựng trên thửa đất này đã hoàn thành và phân bổ lợi thế kinh doanh của thửa đất số 10 và 215 đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu vào chi phí quản lý tương ứng với lợi thế kinh doanh của 1.755 m² đất đang sử dụng của tòa nhà văn phòng Công ty với số tiền 526.539.144 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Chi tiết số dư lợi thế kinh doanh như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Lợi thế TM của thửa đất số 10&215 (số 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu)	23.685.260.856	24.211.800.000
Lợi thế TM của thửa đất số 11 (số 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu)	15.313.200.000	15.313.200.000
Lợi thế TM của thửa đất số 108 (số 242, đường Nguyễn Hữu Cánh, thành phố Vũng Tàu)	-	4.011.700.000
	<u>38.998.460.856</u>	<u>43.536.700.000</u>

14. VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	81.258.835.379	98.905.882.172
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	84.807.502.614	94.922.704.834
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (iii)	53.160.092.770	43.292.307.823
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu (iv)	40.292.883.228	-
	<u>259.519.313.991</u>	<u>237.120.894.829</u>

- (i) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1167.14.551.687848.TD.DN ngày 30 tháng 12 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 100.000.000.000 VND. Khoản vay này có tài sản đảm bảo bằng các khoản phải thu theo Hợp đồng Bảo đảm số 670.14.551.687848.TC.DN ngày 12 tháng 11 năm 2014 và 013.14.551.687848, đồng thời Công ty cũng dùng mọi nguồn thu phát sinh từ Dự án, phương án sử dụng vốn vay, các nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và toàn bộ số tiền có trên tài khoản của Công ty tại Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty trong toàn bộ thời gian hiệu lực của hợp đồng này. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Thời hạn duy trì hạn mức là đến ngày 31 tháng 11 năm 2015.
- (ii) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 30158/HDHM/DN ngày 14 tháng 10 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 280.000.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động về việc thi công công trình và phát hành thư bảo lãnh trong nước. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi suất thả nổi, được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu từng thời kỳ và được quy định cụ thể trong từng khế ước. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức tín dụng này.
- (iii) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2014/PVC-VCB/HM ngày 15 tháng 5 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 60.000.000.000 VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất Khu du lịch Thanh Bình, thành phố Vũng Tàu. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời hạn vay vốn. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VAY NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (iv) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 111-14/HĐHMTD-LPBVT ngày 18 tháng 6 năm 2014 và phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng tháng 12 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với số tiền tối đa là 100.000.000.000 VND. Mục đích của khoản bảo lãnh là bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không bổ sung vốn lưu động để thực hiện các dự án bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư. Đây là khoản cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời hạn vay vốn. Thời hạn cấp tín dụng cụ thể tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thép Đất Việt	41.953.896.886	-
Công ty Cổ phần kinh doanh Vật liệu Xây dựng số 15	29.009.250.105	26.678.824.587
Công ty Cổ phần COKYVINA	18.955.192.304	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí OSC	13.541.260.152	2.720.994.865
Công ty TNHH Nghĩa Thành	12.636.623.500	9.829.046.500
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông DTS	8.920.129.945	-
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh Nam Thịnh	8.490.574.228	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	7.257.924.960	-
Công ty TNHH Thành Phước	7.014.915.014	9.044.977.218
Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu - CN TP Hồ Chí Minh	6.012.136.174	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức - Long An	5.644.050.170	8.349.416.571
Công ty Cổ phần Bê tông FICO PAN-UNITED	3.523.692.496	7.858.535.994
Các đối tượng khác	<u>192.705.989.506</u>	<u>164.053.022.038</u>
	<u>355.665.635.440</u>	<u>228.534.817.773</u>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	149.555.380.084	114.289.491.282
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	114.483.827.972	58.160.405.920
Ban Quản lý Dự án Xây dựng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	2.623.682.138	3.623.682.138
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	1.667.742.597	1.667.742.597
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	422.305.991	-
Các đối tượng khác	<u>69.095.772.010</u>	<u>34.566.866.206</u>
	<u>397.848.710.792</u>	<u>212.308.188.143</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	16.321.596.734	7.545.066.727
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.044.240.902	1.775.881.064
Thuế thu nhập cá nhân	460.885.786	399.648.684
	<u>22.826.723.422</u>	<u>9.720.596.475</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công trình - Trung tâm Phân tích thí nghiệm và văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	23.207.014.409	14.790.093.494
Công trình - Khu Du lịch Hồng Phúc	3.390.459.059	1.215.961.825
Công trình - Trung tâm đào tạo an toàn - Trường CD nghề Dầu khí	2.176.699.585	-
Công trình - Cao ốc hỗn hợp HH1 khu 5 tầng VSP	1.568.559.599	3.055.577.500
Công trình - Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	1.448.166.364	-
Công trình - Âu tàu Rạch Chanh	830.559.000	-
Công trình - Nhà làm việc Xí nghiệp khai thác, Xí nghiệp cơ điện VSP	209.377.892	378.138.109
Công trình - Tổng kho bia Sài Gòn	-	16.391.882.411
Công trình - 242 Nguyễn Hữu Cảnh	-	4.447.059.915
Công trình - Nhà làm việc, phòng học 9 tầng - Trường Cao đẳng nghề Dầu khí Bà Rịa	-	980.158.700
Công trình - Xí nghiệp vận tải ô tô	-	284.436.040
	<u>32.830.835.908</u>	<u>41.543.307.994</u>

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	141.505.000	16.526.392.863
Lãi vay dự trả	575.278.230	751.599.496
Kinh phí công đoàn	474.112.339	683.586.149
Phải trả phí bảo trì chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh	2.804.722.846	-
Phải trả, phải nộp khác	4.502.195.257	1.811.141.110
	<u>8.497.813.672</u>	<u>19.772.719.618</u>

20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác phản ánh tiền sử dụng đất cho thửa đất số 108 tại số 242 Nguyễn Hữu Cảnh, thành phố Vũng Tàu theo Thông báo số 4779/TB-CCT ngày 24 tháng 7 năm 2013 của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu. Số tiền còn phải trả đã được gia hạn đến ngày 24 tháng 8 năm 2015 theo Quyết định số 41/HĐND-VP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.520.157.350	7.912.894.028
Trích lập dự phòng trong năm	10.139.887.762	6.720.157.350
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng	6.520.157.350	8.112.894.028
Số dư cuối năm	<u>10.139.887.762</u>	<u>6.520.157.350</u>

Các khoản dự phòng bảo hành công trình phản ánh ước tính chính xác nhất của Ban Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành từ 12 tới 24 tháng mà Công ty áp dụng đối với các công trình đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, dựa trên cơ sở về xác suất các công trình gặp phải sự cố và chi phí mà Công ty phải bỏ ra khi sau thời điểm bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>	<u>Quỹ dự phòng</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Tổng</u>
	VND	phát triển	tài chính	chưa phân phối	VND
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	300.000.000.000	7.750.519.081	-	6.820.879.640	314.571.398.721
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.929.475.418	3.929.475.418
Trích lập các quỹ	-	1.530.679.744	-	(2.618.505.544)	(1.087.825.800)
Tại ngày 31/12/2013	<u>300.000.000.000</u>	<u>9.281.198.825</u>	<u>-</u>	<u>8.131.849.514</u>	<u>317.413.048.339</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	29.150.642.945	29.150.642.945
Trích lập các quỹ (i)	-	388.239.212	698.319.888	(2.483.198.876)	(1.396.639.776)
Tại ngày 31/12/2014	<u>300.000.000.000</u>	<u>9.669.438.037</u>	<u>698.319.888</u>	<u>34.799.293.583</u>	<u>345.167.051.508</u>

- (i) Theo Nghị quyết số 150/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua phương án trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.396.639.776 VND; Quỹ dự phòng tài chính với số tiền 698.319.888 VND và Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 388.239.212 VND.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 300.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận</u>		<u>Vốn đã góp tại ngày</u>	
	<u>đăng ký kinh doanh</u>		<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	153.000.000.000	51%	153.000.000.000	153.000.000.000
Các cổ đông khác	147.000.000.000	49%	147.000.000.000	147.000.000.000
	<u>300.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Trong năm, Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 24.

Các công trình của Công ty chủ yếu được thi công trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

24. DOANH THU - GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu - Giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	897.836.183.390	652.016.506.182
Doanh thu kinh doanh bê tông và cung cấp dịch vụ khác	7.702.890.964	6.088.221.885
	<u>905.539.074.354</u>	<u>658.104.728.067</u>
	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	808.629.643.746	553.495.424.609
Giá vốn kinh doanh bê tông và cung cấp dịch vụ khác	2.515.586.053	1.846.390.658
	<u>811.145.229.799</u>	<u>555.341.815.267</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	414.167.470.234	510.344.915.598
Chi phí nhân công	127.979.559.036	91.244.909.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.266.496.461	9.939.733.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	200.778.307.380	153.061.962.977
Chi phí khác bằng tiền	67.590.140.235	14.764.237.483
	<u>819.781.973.346</u>	<u>779.355.759.241</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.752.371.151	304.952.981
	<u>1.752.371.151</u>	<u>304.952.981</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	23.739.930.532	12.601.709.885
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	-	1.967.105.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	289.403.179	52.033.820
	<u>24.029.333.711</u>	<u>14.620.848.705</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	38.322.874.302	6.529.500.887
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.369.086.410	3.870.600.989
Thu nhập chịu thuế	41.691.960.712	10.400.101.876
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản	(1.534.333.737)	-
- Thu nhập từ hoạt động khác	43.226.294.449	10.400.101.876
Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>9.172.231.357</u>	<u>2.600.025.469</u>

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	29.150.642.945	3.929.475.418
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản (cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>972</u>	<u>131</u>

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	259.519.313.991	237.120.894.829
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	350.237.158.131	167.384.696.603
Nợ thuần	-	69.736.198.226
Vốn chủ sở hữu	<u>345.167.051.508</u>	<u>317.413.048.339</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0,22

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	350.237.158.131	167.384.696.603
Phải thu khách hàng và phải thu khác	463.889.322.367	284.448.969.895
Đầu tư dài hạn	34.446.751.547	2.541.864.726
Tổng cộng	<u>848.573.232.045</u>	<u>454.375.531.224</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	259.519.313.991	237.120.894.829
Phải trả người bán và phải trả khác	392.518.367.414	247.623.951.242
Chi phí phải trả	32.830.835.908	41.543.307.994
Tổng cộng	<u>684.868.517.313</u>	<u>526.288.154.065</u>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	200	(5.190.386.280)
VND	(200)	5.190.386.280
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	200	(4.742.417.897)
VND	(200)	4.742.417.897

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thương xuyên theo dõi diễn biến của thị trường để xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện xem xét khả năng suy giảm giá trị của các khoản đầu tư mà Công ty đang nắm giữ, theo đó các khoản đầu tư đã được Công ty đánh giá và trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

12
ĐƯỢC
CHIẾ
LỖ
ÉT
RA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến các khoản phải thu quá hạn thanh toán khoảng 52,4 tỷ VND. Trong đó, giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập là khoảng 47,6 tỷ VND.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	350.237.158.131	-	350.237.158.131
Phải thu khách hàng và phải thu khác	463.889.322.367	-	463.889.322.367
Đầu tư dài hạn	-	34.446.751.547	34.446.751.547
Tổng cộng	814.126.480.498	34.446.751.547	848.573.232.045
31/12/2014			
Các khoản vay	259.519.313.991	-	259.519.313.991
Phải trả người bán và phải trả khác	363.689.336.773	28.829.030.641	392.518.367.414
Chi phí phải trả	32.830.835.908	-	32.830.835.908
Tổng cộng	656.039.486.672	28.829.030.641	684.868.517.313
Chênh lệch thanh khoản thuần	158.086.993.826	5.617.720.906	163.704.714.732

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	167.384.696.603	-	167.384.696.603
Phải thu khách hàng và phải thu khác	284.448.969.895	-	284.448.969.895
Đầu tư dài hạn	-	2.541.864.726	2.541.864.726
Tổng cộng	451.833.666.498	2.541.864.726	454.375.531.224
31/12/2013			
Các khoản vay	237.120.894.829	-	237.120.894.829
Phải trả người bán và phải trả khác	247.623.951.242	-	247.623.951.242
Chi phí phải trả	41.543.307.994	-	41.543.307.994
Tổng cộng	526.288.154.065	-	526.288.154.065
Chênh lệch thanh khoản thuần	(74.454.487.567)	2.541.864.726	(71.912.622.841)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	Công ty liên doanh của Tập đoàn
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim - PVC	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Thi công các công trình xây lắp		
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	249.573.682.089	359.502.892.100
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	392.449.969.743	96.887.628.961
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	96.399.733.696	92.834.488.182
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	52.574.212	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	204.545.455
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	622.465.681	5.652.415.143
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.765.476.845	6.057.307.136
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	699.815.090	1.245.729.367
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	59.834.850	95.354.485
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	86.349.272	31.368.289
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	226.645.074	92.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	43.276.741	(963.433.777)
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	7.230.377.691	542.922.455

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	48.788.521.139	63.979.801.474
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	8.917.182.475	52.495.045.899
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	259.203.263.293	48.471.729.783
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.300.469.925	27.300.469.925
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	30.197.809.127	18.476.114.880
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.541.190.210	15.985.901.956
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	9.387.628.964	13.232.540.012
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.396.801.083	6.396.801.083
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	2.068.344.626
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	290.654.056	7.459.604.837
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	225.000.000	225.000.000
Công ty Cổ phần thiết kế quốc tế HEERIM-PVC	1.132.780.391	1.132.780.391
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.613.441.480	1.746.281.623
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	252.943.100	588.360.590
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	259.778.108	435.515.720
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	218.527.282	243.283.081
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	3.742.200	67.718.609
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Vũng Tàu	33.437.250	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	7.257.924.960	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính (Tiếp theo):

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	2.623.682.138	3.623.682.138
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	1.667.742.597	1.667.742.597
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	422.305.991	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	114.483.827.972	58.160.405.920
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	149.555.380.084	114.289.491.282
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	9.778.181.818

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	141.505.000	16.526.392.863
+ Phải trả cổ tức	-	15.888.890.000
+ Phải trả khác	141.505.000	637.502.863
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	312.845.121	312.845.121

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.361.802.295	2.249.229.395
	2.361.802.295	2.249.229.395

Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểuLê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng
Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2015